

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
Tháng 5

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Ngàn Trươi – Cẩm Trang, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 28 – 29/5/2025 **Ngày cung cấp TT:** 30/5/2025

3. Tình trạng hoạt động của các cống khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của cống
1	10	Đầu vào nhà máy nước Vũ Quang	Cống đóng.
2	11	Đầu kênh chính	Cống đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 15 vị trí chính thức

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Ban Quản lý Thủy lợi 3, Ban Quản lý Thủy lợi 4 .

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Không có vị trí nào.

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Trước cửa xả TN1 tầng mặt.

C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: **Thượng lưu hồ tầng mặt, Giữa hồ tầng mặt, Khu nuôi cá lồng tự phát (Cách bến thuyền 700m), Khu nuôi cá lồng I tầng mặt, Khu nuôi cá lồng II (khu mở rộng) tầng mặt, Đầu kênh chính, Cuối kênh chính tại xã Tân Dân, Cầu Ngàn Trươi, Khe Trươi phía thượng lưu nhà máy sắt, Khe Trươi phía hạ lưu nhà máy gỗ MDF.**

D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: Các vị trí đạt giới hạn trên.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
QCVN 08:2023 - A				6,5 – 8,5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8,5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8,5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6 hoặc > 8,5		≥ 2					
1	Thượng lưu hồ tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước tầng mặt khu vực thượng lưu hồ Ngàn Trươi.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 97%, mật độ mây 100%, gió TB 2 km/h. Cổng đóng, không có dòng chảy. Nước màu xanh lục.	5,92	5,9	7,06	0,1	0,008	0,000	13	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH không đạt giới hạn B cho phép
2	Thượng lưu hồ tầng đáy	Đánh giá chất lượng nước tầng đáy khu vực thượng lưu hồ Ngàn Trươi.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 97%, mật độ mây 100%, gió TB 2 km/h. Cổng đóng, không có dòng chảy. Nước	5,76	3,2	0	0,1	0,023	0,002	13	Giá trị pH, DO thấp do ở tầng sâu – đặc tính của hồ chứa.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
QCVN 08:2023 - A				6,5 – 8,5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8,5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8,5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6 hoặc > 8,5		≥ 2					
			màu xanh lục.								
3	Giữa hồ tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước tầng mặt khu vực giữa hồ Ngàn Trươi.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 97%, mật độ mây 100%, gió TB 2 km/h. Cổng đóng, không có dòng chảy. Nước trong xanh, đục.	5,77	7,6	6,73	0,1	0,000	0,000	12	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH không đạt giới hạn B cho phép
4	Trước cửa xả TN1 tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước tầng mặt hồ Ngàn Trươi khu vực gần cửa xả TN1.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 97%, mật độ mây 100%, gió TB 2 km/h. Cổng mở hé, dòng chảy chậm. Nước màu xanh lục.	6,28	7,8	9,0	0,1	0,008	0,000	1,9	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH đạt giới hạn B cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
QCVN 08:2023 - A				6,5 – 8,5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8,5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8,5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6 hoặc > 8,5		≥ 2					
5	Trước cửa xả TN1 tầng giữa	Đánh giá chất lượng nước tầng giữa hồ Ngàn Trươi khu vực gần cửa xả TN1.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 97%, mật độ mây 100%, gió TB 2 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng.	5,37	9	0	0,1	0,023	0,020	17	Giá trị pH, DO thấp do ở tầng sâu – đặc tính của hồ chứa.
6	Trước cửa xả TN1 tầng đáy	Đánh giá chất lượng nước tầng đáy hồ Ngàn Trươi khu vực gần cửa xả TN1.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 97%, mật độ mây 100%, gió TB 2 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Nước màu xanh lục.	4,28	6,3	0	0,1	0,023	0,000	11	Giá trị DO thấp do ở tầng sâu – đặc tính của hồ chứa.
7	Khu nuôi	Đánh giá ảnh hưởng của khu	Trời nhiều mây, nhiệt độ 24°C, độ	5,34	4,8	7,22	0,1	0,016	0,002	13	Giá trị chỉ tiêu hiện

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
QCVN 08:2023 - A				6,5 – 8,5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8,5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8,5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6 hoặc > 8,5		≥ 2					
	cá lồng tự phát (Cách bến thuyền 700m)	nuôi cá đến chất lượng nước hồ.	ảm 97%, mật độ mây 100%, gió TB 2 km/h.								trường pH không đạt giới hạn B cho phép
8	Khu nuôi cá lồng I tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước khu nuôi thử cá lồng.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 97%, mật độ mây 100%, gió TB 2 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Nước màu xanh lục, đục, mùi tanh.	5,28	4,2	6,79	0,1	0,062	0,002	12	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH không đạt giới hạn B cho phép
9	Khu nuôi cá lồng II (khu	Đánh giá chất lượng nước khu nuôi thử	Trời nhiều mây, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 97%, mật độ mây 100%, gió TB	5,95	9,4	6,37	0,1	0,008	0,000	15	Giá trị chỉ tiêu hiện

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
QCVN 08:2023 - A				6,5 – 8,5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8,5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8,5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6 hoặc > 8,5		≥ 2					
	mở rộng) tầng mặt	cá lồng.	2 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Nước màu xanh lục, đục, mùi tanh.								trường pH không đạt giới hạn B cho phép
10	Đầu vào nhà máy nước Vũ Quang	Đánh giá chất lượng nước cấp cho nhà máy nước Vũ Quang.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 96%, mật độ mây 100%, gió TB 2 km/h. Không có dòng chảy. Khu vực lấy mẫu đang xây dựng cầu. Nước đục.	5,03	13,8	6,76	0,1	0,008	0,027	24	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH không đạt giới hạn B cho phép
11	Đầu kênh chính	Đánh giá chất lượng nước đầu hệ thống	Trời nhiều mây, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 96%, mật độ mây 100%, gió TB	5,01	17,7	6,86	0,1	0,008	0,025	18	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH không đạt

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
QCVN 08:2023 - A				6,5 – 8,5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8,5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8,5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6 hoặc > 8,5		≥ 2					
		trước khi cấp cho các mục đích dân sinh.	2 km/h. Cổng đóng, rỉ nước.								giới hạn B cho phép
12	Cuối kênh chính tại xã Tân Dân	Đánh giá chất lượng nước cuối kênh chính.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 96%, mật độ mây 100%, gió TB 2 km/h. Có dòng chảy, mực nước cạn. Nước màu xanh lục.	5,48	11,2	9,05	0,1	0,000	0,025	59	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH không đạt giới hạn B cho phép
13	Cầu Ngàn Trươi	Đánh giá chất lượng nước tại cầu Ngàn Trươi.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 96%, mật độ mây 100%, gió TB 2 km/h. Cổng mở, có dòng chảy. Nước màu	4,93	16	5,72	0,1	0,016	0,011	16	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH không đạt giới hạn B cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
QCVN 08:2023 - A				6,5 – 8,5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8,5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8,5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6 hoặc > 8,5		≥ 2					
			xanh lục.								
14	Khe Trươi phía thượng lưu nhà máy sắt	Đánh giá chất lượng nước Khe Trươi trước khi nhận nước thải hai nhà máy sắt và nhà máy gỗ.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 97%, mật độ mây 100%, gió TB 2 km/h. Có dòng chảy, mực nước trung bình, nước trong, màu xanh rêu nhạt.	5,81	3,3	9,2	0,1	0,008	0,115	31	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH không đạt giới hạn B cho phép
15	Khe Trươi phía hạ lưu nhà máy gỗ MDF	Đánh giá chất lượng nước Khe Trươi ngay sau khi nhận nước thải nhà máy gỗ.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 96%, mật độ mây 100%, gió TB 2 km/h. Có dòng chảy, nước đục, màu xanh lục. Khu vực lấy mẫu	5,21	5,7	6,4	0,1	0,008	0,014	42	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH không đạt giới hạn B cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
			QCVN 08:2023 - A	6,5 – 8,5		≥ 6					
			QCVN 08:2023 - B	6 – 8,5		≥ 5					
			QCVN 08:2023 - C	6 – 8,5		≥ 4					
			QCVN 08:2023 - D	< 6 hoặc > 8,5		≥ 2					
			nhận nước thải từ nhà máy gỗ.								

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi;
- Ban Quản lý Thủy lợi 3;
- Ban Quản lý Thủy lợi 4;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2025

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI